

Số: /BC-SCT

Bắc Giang, ngày tháng 01 năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình giá cả thị trường tỉnh Bắc Giang tháng 12 năm 2022

1. Tình hình thị trường

Hoạt động thương mại và dịch vụ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang những tháng cuối năm 2022 nói chung và tháng 12 nói riêng vẫn trong xu hướng ổn định và duy trì mức tăng cao so với cùng kỳ năm trước. Trong năm 2022, nguồn cung các mặt hàng tương đối ổn định; sau khi dịch Covid-19 được kiểm soát, các hoạt động sản xuất, kinh doanh đã hoạt động trong trạng thái bình thường mới, giúp thị trường hàng hóa và dịch vụ sôi động trở lại, lưu chuyển hàng hóa thuận lợi. Các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu đảm bảo đủ nhu cầu người dân, không có hiện tượng thiếu hàng, tăng giá đột biến gây bất ổn thị trường. Các mặt hàng phục vụ nhu cầu Tết Nguyên đán đã được các thương nhân chuẩn bị, dự trữ, đang phân phối cho các đại lý bán lẻ ở các huyện, thành phố. Các hàng hóa, nguyên liệu, vật tư phục vụ sản xuất, tiêu dùng vẫn được duy trì. Một số hàng hóa dịch vụ có biến động, chịu ảnh hưởng theo diễn biến cung cầu, giá cả trên thế giới; giá một số mặt hàng thực phẩm tươi sống như thịt lợn, thịt gà, các mặt hàng lương thực và rau xanh không biến động nhiều; một số loại vật liệu xây dựng đang có xu hướng giảm giá trong khi nhu cầu xây dựng, sửa chữa nhà ở, công trình vẫn cao trong tháng cuối năm.

Theo số liệu của Cục Thống kê tỉnh Bắc Giang, chỉ số giá tiêu dùng toàn tỉnh tháng 12/2022 giảm 0,51% so với tháng trước và tăng 3,99% so với bình quân cùng kỳ. Trong đó, giảm mạnh nhất là nhóm hàng lĩnh vực giao thông 2,88%; văn hóa, giải trí và du lịch 2,61%; hàng ăn và dịch vụ ăn uống 0,46%. Nhóm hàng có chỉ số tăng: May mặc, mũ nón, giày dép 0,33%; nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD 0,15%; thiết bị và đồ dùng gia đình 0,46%; hàng hóa và dịch vụ khác 0,25%. Nhóm hàng có chỉ số ổn định, biến động nhỏ: Đồ uống và thuốc lá; thuốc và thiết bị y tế; giáo dục.

Trong tháng 12, doanh thu hầu hết các nhóm hàng hóa đều duy trì mức tăng so với tháng trước; tổng mức bán lẻ hàng hóa ước đạt 3.260 tỷ đồng, tăng 0,67% so tháng trước và tăng gần 21% so với cùng kỳ năm 2021. Đối với nhóm hàng lương thực, thực phẩm, mặc dù đang thời điểm cuối năm, thông thường nhu cầu tiêu dùng gia tăng, nhưng giá các mặt hàng này lại có xu hướng giảm nhẹ, doanh thu ước đạt trên 912 tỷ đồng, tăng nhẹ so tháng trước (+0,22%) và tăng trên 28% so với cùng kỳ (do thời điểm này năm 2021 vẫn đang chịu tác động của dịch Covid-19); do mùa đông năm nay nền nhiệt cao hơn năm trước, nên nhu cầu mua sắm hàng may mặc cũng như đồ dùng trang thiết bị gia đình của người tiêu dùng vẫn ở mức thấp. Trong tháng, doanh thu hai nhóm hàng này tăng lần lượt

so với tháng trước là 2,27% và 2,77%, đồng thời đều tăng trên 10% so cùng kỳ năm trước.

Tính chung cả năm 2022, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2022 tiếp tục được mở rộng về quy mô và đạt tốc độ tăng cao so với nhiều năm gần. Tổng mức bán lẻ hàng hóa trên địa bàn tỉnh ước đạt gần 36.300 tỷ đồng, tăng gần 20,5% so năm trước. Trong đó, nhóm xăng dầu chiếm tỷ trọng lớn thứ 3 (trên 17%), nhưng có tốc độ tăng cao nhất (+66%), nên đóng góp tới 8,2 điểm phần trăm tăng trưởng chung của tổng mức bán lẻ; tiếp đến là nhóm gỗ và VLXD chiếm tỷ trọng trên 20%, tăng trên 28% và đóng góp 5,4 điểm phần trăm tăng trưởng; nhóm lương thực, thực phẩm tuy chiếm tỷ trọng lớn nhất (trên 27%), nhưng do tăng thấp hơn (tăng trên 8,5%), nên chỉ đóng góp được gần 2,6 điểm phần trăm tăng trưởng chung; nhóm đá quý và kim loại quý, tuy chỉ chiếm tỷ trọng trên 4,1%, nhưng có mức tăng cao (tăng trên 33%), nên cũng đóng góp được 1,25 điểm phần trăm tăng trưởng. Trong năm, công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường được các ngành, các địa phương quan tâm và thực hiện nghiêm túc, hiệu quả, góp phần bình ổn giá cả thị trường và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

2. Diễn biến giá của một số nhóm hàng thiết yếu

- Nhóm hàng lương thực:

Giá bán lẻ các loại gạo ổn định, tăng nhẹ so với tháng trước. Cụ thể: gạo Khang dân: 13.000-13.500đ/kg; gạo tám thơm: 16.000-20.000 đ/kg; gạo nếp: 28.000 - 35.000 đ/kg.

- Nhóm hàng thực phẩm:

Giá thịt lợn ổn định, giảm nhẹ. Giá lợn hơi trung bình dao động từ 60-65.000đ/kg; giá thịt lợn mót từ 80-90.000đ/kg; giá bán lẻ thịt lợn dao động từ 85-120.000đ/kg tùy từng loại; Mông sấn trung bình 90-95.000đ/kg; thịt thăn, ba chỉ 110-120.000đ/kg.

Nhóm các thực phẩm thay thế như gia cầm, cá, trứng, hải sản... ổn định so với tháng trước. Giá thịt bò ở mức 230.000-260.000đ/kg; cá chép: 65.000-75.000 đ/kg; cá chuối 90.000 - 110.000 đ/kg; cá rô phi: 35-40.000đ/kg; gà ta lông: 60.000 - 75.000 đ/kg; trứng gà ta: 30.000 - 35.000 đ/chục.

- Rau, củ, quả: Các mặt hàng rau củ quả ở chợ nguồn cung dồi dào. Cụ thể: Giá bán lẻ một số loại: Các loại rau xanh 5-10.000 đ/mớ (~5-12.000đ/kg); Bí xanh, bí ngô 10.000đ/kg; cà chua: 7-10.000 đ/kg.

- Các mặt hàng thiết yếu công nghệ (Bánh kẹo, mỳ tôm, mỳ gạo, dầu ăn, nước uống đóng chai..): Nguồn cung dồi dào, giá cả ổn định, tăng nhẹ, giá cả theo mức giá niêm yết của nhà sản xuất.

- Mặt hàng xăng dầu

Do ảnh hưởng giá xăng dầu thế giới đã ảnh hưởng đến nguồn cung và giá cả mặt hàng xăng dầu trong nước. Trong tháng 12, nguồn cung đã tương đối ổn định, giá bán đang ở mức thấp so với hai năm qua. Giá xăng dầu theo chu kỳ 3 lần điều chỉnh (ngày 01/12 ; 12/12 ; 21/12). Mức giá tại kỳ điều chỉnh cuối cùng

trong tháng: Xăng RON 95-V: 21.830 đ/lít, RON 95-III: 20.700 đ/lít, Xăng sinh học E5 RON 92-II: 19.970đ/lít; Dầu diesel 0,001S-V: 23.580đ/lít; Dầu hỏa: 21.830đ/lít.

- *Mặt hàng khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)*

Giá LPG tháng 12 tiếp tục tăng. Cụ thể, giá LPG bán lẻ trong nước điều chỉnh tăng 1.167 đồng/kg, tương đương +7.000 đồng/bình 6kg; + 14.000đồng/bình 12kg; +53.000đồng/ bình 45kg. Giá LPG bán lẻ sau khi giảm đến tay người tiêu dùng dao động 424.000đồng/bình 12kg; và 1.510.000 đồng/bình 45kg.

- *Giá vàng và đô la Mỹ*

Theo số liệu của Cục Thống kê tỉnh, chỉ số giá vàng tháng 12/2022 tăng 1,12% so với tháng trước và tăng 1,39% so với cùng kỳ năm trước. Giá vàng chịu tác động mạnh mẽ từ tình hình kinh tế, chính trị thế giới nên biến động lên xuống mạnh. Vàng SJC hiện vẫn ở mức cao, trong tháng biến động mạnh lên xuống ở mức 64-65 triệu đồng/lượng.

Tỷ giá đô la Mỹ loại tờ 50-100USD tháng 12/2022 giảm 2,72% so với tháng trước và tăng 1,99% so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể, tỷ giá đô la Mỹ niêm yết tại các ngân hàng thương mại giao động ở mức 24.000 – 24.500VND/USD.

3. Dự báo giá cả thị trường tháng tới

Một số mặt hàng xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), giá vàng và tỷ giá đô la Mỹ sẽ tiếp tục có những biến động theo tác động của thị trường thế giới.

Theo quy luật thị trường như những năm qua, sức mua của người dân sẽ tăng dần vào tháng cuối năm âm lịch. Dự báo sức mua hàng hóa trong dịp Tết Nguyên đán sẽ tăng khoảng 20-25% so với các ngày thường. Đồng thời, với tập quán tiêu dùng truyền thống của dân tộc, trong dịp Tết Nguyên đán nhu cầu của nhân dân tập trung chủ yếu vào các mặt hàng: Lương thực, thực phẩm tươi sống (*gạo tẻ ngon, gạo nếp, thịt lợn, thịt gà, thịt bò, cá tươi,...*); thực phẩm chế biến (*giò, chả, nem...*); thực phẩm công nghệ (*bánh mứt kẹo, rượu, bia, nước ngọt, dầu ăn...*); hàng may mặc, giày dép, nhiên liệu (*xăng, dầu, chất đốt...*), hàng điện tử, đồ dùng gia đình và một số mặt hàng nông sản như rau, củ, quả các loại... Trong đó: Đối với nhóm hàng thực phẩm, hiện nay xu hướng nhân dân chỉ mua tích trữ để tiêu dùng với số lượng vừa đủ trong khoảng 2-3 ngày Tết. Sức mua sẽ tập trung cao những ngày giáp Tết Nguyên đán (từ 27 đến 30 tháng Chạp) và những ngày sau tết (từ mùng ba đến rằm tháng Giêng). Bên cạnh xu hướng tiêu dùng hàng thực phẩm tươi sống tại các chợ trên địa bàn tỉnh thì nhu cầu tiêu dùng của nhân dân sẽ tăng thêm đối với hàng thực phẩm chế biến sẵn của các cơ sở sản xuất có uy tín và trong các siêu thị, cửa hàng tiện ích trên địa bàn; đối với nhóm hàng thực phẩm công nghệ, nhu cầu tiêu dùng sẽ tập trung vào các mặt hàng Việt Nam chất lượng cao (bánh kẹo các loại), có mẫu mã bao bì đẹp và hàng đồ uống có độ cồn thấp (Bia, rượu vang, nước ngọt...); sức mua tập trung từ khoảng ngày 12 đến 30 tháng Chạp; nhu cầu tiêu dùng tiêu thụ các loại hoa tươi, quả tươi cũng sẽ tăng cả ở khu vực đô thị cũng như thị trường nông thôn. Bên cạnh đó, do đời sống của nhân dân ngày càng được nâng cao nên

nhu cầu mua sắm các sản phẩm điện tử, điện lạnh, đồ dùng gia đình (*ti vi, loa đài, tủ lạnh và các thiết bị nhà bếp và đồ trang trí nhà cửa...*) cũng tăng cao vào dịp gần Tết Nguyên đán.

Dịp cuối năm 2022 và gần Tết Nguyên đán Quý Mão 2023 còn các yếu tố có thể tác động, tạo sức ép đến thị trường trong tỉnh như: Xung đột địa chính trị, cạnh tranh chiến lược, cấm vận thương mại giữa các nước lớn trên thế giới vẫn đang diễn biến phức tạp, tiềm ẩn khó lường, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và sức mua hàng hóa trên thị trường; bên cạnh đó, dịp cuối năm là thời điểm giao mùa, thời tiết diễn biến bất thường (mưa, bão, thời tiết chuyển lạnh...), nguy cơ phát sinh dịch bệnh cao trên đàn gia súc, gia cầm có nguy cơ ảnh hưởng đến nguồn cung hàng hóa thiết yếu này.

4. Một số giải pháp bình ổn thị trường

- Tiếp tục tổ chức triển khai Kế hoạch bảo đảm cân đối cung cầu, bình ổn thị trường cuối năm 2022 và dịp Tết Nguyên đán Quý Mão 2023 trên địa bàn tỉnh; thường xuyên theo dõi diễn biến tình hình cung cầu hàng hóa, đặc biệt là hàng hóa thiết yếu, hàng hóa phục vụ nhu cầu của nhân dân dịp trước Tết Nguyên đán; kịp thời tham mưu UBND tỉnh phương án tháo gỡ khó khăn phát sinh; tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối giao thương, thúc đẩy tiêu thụ nông sản, thực phẩm của tỉnh.

- Thường xuyên nắm bắt tình hình nguồn cung xăng dầu của các doanh nghiệp đầu mối, thương nhân phân phối trên địa bàn tỉnh để kịp thời báo cáo Bộ Công Thương chỉ đạo, điều phối, tránh tình trạng gián đoạn nguồn cung; phối hợp với các sở, ngành, địa phương tăng cường kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong hoạt động kinh doanh xăng dầu tại các cửa hàng bán lẻ xăng dầu trên địa bàn tỉnh, việc tuân thủ quy định về niêm yết giá và bán hàng đúng giá niêm yết, thời gian đăng ký bán xăng dầu,...; để đảm bảo không thiếu hụt nguồn cung, đáp ứng nhu cầu phục vụ sản xuất, kinh doanh và đời sống nhân dân; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp chặt chẽ với các lực lượng chức năng trên địa bàn tỉnh tổ chức giám sát hoạt động kinh doanh hàng hóa thiết yếu như lương thực, thực phẩm, hàng công nghệ phẩm (bánh kẹo, bia rượu...), khí dầu mỏ hóa lỏng... nhất là vào dịp trước, trong và sau Tết Nguyên đán; bảo đảm thị trường kinh doanh lành mạnh, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

- Tiếp tục phối hợp với các sở, ngành, địa phương của tỉnh tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ các doanh nghiệp phát triển sản xuất, kinh doanh./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- cungcau@moit.gov.vn (b/c);
- Sở Công Thương các tỉnh, TP;
- Cục QLTT tỉnh Bắc Giang;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, P. QLTM.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Công Toàn

GIÁ BÁN LẺ MỘT SỐ MẶT HÀNG THIẾT YẾU
Trên thị trường tỉnh Bắc Giang tháng 12 năm 2022

TT	Mặt hàng	ĐVT	Tháng trước (kỳ trước)	Tháng báo cáo	Mức tăng giảm
1	Gạo Khang dân	đ/kg	13.500	13.500	
	Gạo PC	đ/kg	15.500	15.500	
2	Gạo tám thơm	đ/kg	16.000- 20.000	16.000- 20.000	-
3	Gạo nếp	đ/kg	28.000- 35.000	28.000- 35.000	-
4	Đậu xanh loại I	đ/kg	56.000	56.000	-
5	Thịt lợn ba chỉ	đ/kg	115- 120.000	115.000- 120.000	-
6	Thịt lợn sản phẩm	đ/kg	85- 105.000	85.000- 105.000	-
7	Cá quả 1kg/con trở lên	đ/kg	115.000	115.000	-
8	Gà ta 1kg trở lên (gà lông)	đ/kg	80.000	80.000	-
9	Thịt bò	đ/kg	260.000	260.000	-
10	Đường RE	đ/kg	18.000	18.000	-
11	Sữa hộp đặc nhãn Ông Thọ	đ/hộp	20.000	20.000	-
12	Dầu ăn	đ/lít	60.000- 75.000	60.000- 75.000	-
13	Muối iốt tinh	đ/kg	6.000	6.000	-
14	Muối iốt Hải Châu 250g/túi	đ/túi	4.500	4.500	-
15	Mỳ chính AJNOMTO 1kg/túi	đ/túi	62.000	62.000	-
16	Nước mắm Nam Ngư	đ/chai	20.500	20.500	-
17	Trứng vịt	đ/quả	3.000	3.000	-
18	Trứng gà ta	đ/quả	3.500	3.500	-
19	Giấy tập kẻ ngang loại 72 trang	đ/tập	7.000	7.000	-
20	Xà phòng ô-mô	đ/túi	48.000	48.000	-
22	Xăng RON 95-IV	đ/lít	24.910	21.830	-3.080
21	Xăng sinh học E5 RON 92-II	đ/lít	22.670	19.970	-2.700
23	Dầu Diesel 0,001S-V	đ/kg	26.780	23.580	-3.200
24	Dầu hỏa	đ/lít	24.640	21.830	-3.200
25	Gas (loại 12kg/bình)	đ/bình	410.000	424.000	+14.000